

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng
và xử lý cấp bách sự cố đê điều trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 68/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí chi thường xuyên thực hiện duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết Quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều trên địa bàn tỉnh như sau:

1. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Điều 5 Thông tư số 68/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính, quy định: “Căn cứ nội dung chi duy tu, bảo dưỡng đê điều quy định tại Điều 4 của Thông tư này; thực trạng hệ thống đê điều do địa phương quản lý và khả năng kinh phí; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều do tỉnh quản lý cho phù hợp, bảo đảm an toàn tuyến đê trên địa bàn tỉnh”.

2. Căn cứ thực tiễn: Hiện nay trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng có các công trình đê biển, đê sông, cống dưới đê và kênh, rạch, như sau:

2.1. Đê biển: Tổng chiều dài đê biển $L = 93.762$ m, bao gồm:

- Dự án Long Phú -Tiếp Nhật: Đê biển Trần Đề: 15.400 m.

- Dự án Cù lao sông Hậu: Đê biển Cù Lao Dung: 22.472 m.

- Dự án Ven biển Đông: Đê biển Vĩnh Châu: 55.890 m.

2.2. Đê sông: Tổng chiều dài đê sông $L = 301.201$ m, bao gồm:

- Dự án Long Phú - Tiếp Nhật: 92.803 m.

- Dự án Cù lao sông Hậu: 81.428 m..

- Dự án Ven biển Đông: 42.020 m.

- Dự án Quản lộ Phụng Hiệp: 34.526 m.

- Dự án Ba Rinh - Tà Liêm: 50.424 m.

2.3. Các cống dưới đê: Có $B_{\text{cống}} \geq 1.5\text{m}$, tổng số 136 cống, trong đó:

- Dự án Long Phú - Tiếp Nhật: 45 cống, bao gồm: Thành phố Sóc Trăng: 01 cống; Huyện Long Phú: 23 cống; Huyện Trần Đề: 21 cống.

- Dự án Cù lao sông Hậu: 24 cống (huyện Cù Lao Dung).

- Dự án Ven biển Đông: 23 cống (thị xã Vĩnh Châu).

- Dự án Quản lộ Phụng Hiệp: 16 cống, bao gồm: Huyện Thạnh Trị: 05 cống; Thị xã Ngã Năm: 09 cống; Huyện Mỹ Tú: 02 cống.

- Dự án Ba Rinh - Tà Liêm: 28 cống, bao gồm: Thành phố Sóc Trăng: 01 cống; Huyện Mỹ Xuyên: 08 cống; Huyện Mỹ Tú: 04 cống; Huyện Châu Thành: 15 cống.

2.4. Hệ thống kênh: Cấp I (kênh trục chính), các kênh cấp II liên huyện, kênh giáp ranh huyện, tỉnh: 61 tuyến kênh, tổng chiều dài kênh = 931,5 km, trong đó:

- Dự án Kế Sách: 13 kênh, $L/\text{kênh} = 151,50$ km.

- Dự án Long Phú - Tiếp Nhật: 19 kênh, $L/\text{kênh} = 249,50$ km.

- Dự án Ba Rinh - Tà Liêm: 09 kênh, $L/\text{kênh} = 172,00$ km.

- Dự án Quản lộ Phụng Hiệp: 10 kênh, $L/\text{kênh} = 198,50$ km.

- Dự án Thạnh Mỹ: 01 kênh, $L/\text{kênh} = 27,00$ km.

- Dự án Ven biển Đông: 05 kênh, $L/\text{kênh} = 77,00$ km.

Các công trình trên đã phát huy hiệu quả, góp phần bảo vệ ổn định bờ sông, bờ biển, bảo vệ an toàn cho các khu dân cư, khu sản xuất, công trình hạ tầng kỹ thuật, an ninh quốc phòng, bảo vệ tài sản, tính mạng của nhân dân trong vùng hưởng lợi,...

Nhằm đảm bảo nguồn lực tài chính trong công tác duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt, trước tình hình diễn biến phức tạp của biến đổi khí hậu, nước biển dâng như hiện nay, việc duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều trên địa bàn tỉnh là hết sức bức thiết hiện nay.

Do đó, việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều trên địa bàn tỉnh là phù hợp với tình hình thực tế và theo đúng quy định hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Ban hành Nghị quyết có cơ sở pháp lý theo thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc phê duyệt quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định tại Thông tư số 68/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

a) Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật.

b) Tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật.

c) Bảo đảm tính khả thi, dễ áp dụng thực hiện.

d) Bảo đảm tính công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, cơ quan trong quá trình xây dựng Nghị quyết.

e) Theo đúng quy định tại Thông tư số 68/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí chi thường xuyên thực hiện duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều và phù hợp với tình hình thực tế quản lý đê điều trên địa bàn tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

- Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn hiện hành, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng dự thảo Nghị quyết. Quá trình lấy ý kiến góp ý dự thảo như sau:

- Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức lấy ý kiến góp ý bằng văn bản gửi các cơ quan, đơn vị có liên quan từ ngày ..., đồng thời dự thảo Nghị quyết đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh đủ thời gian 30 ngày theo quy định; đã nhận được góp ý của.....cơ quan, đơn vị; đối với dự thảo đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, nhận được.....ý kiến góp ý từ các tổ chức, cá nhân. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Văn bản giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý số.....

- Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số.....; Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo và ban hành Công văn số.....về việc tổng hợp, giải trình và tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Tư pháp gửi UBND tỉnh.

- Ngày.....Ủy ban nhân dân tỉnh có Tờ trình số.....trình Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết.

- Ngày.....Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức cuộc họp theo nội dung Giấy mời số.....kèm dự thảo Báo cáo thẩm tra. Qua ý kiến góp ý của các thành viên dự họp và kết luận của đồng chí **Hồ Thị Cẩm Đào** - Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục: Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết Quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều, hệ thống đê điều do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh với bố cục như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Điều 2. Nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng đê điều

Điều 3. Nội dung, nhiệm vụ chi và xử lý cấp bách sự cố đê điều

Điều 4. Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết:

Nghị quyết Quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều, hệ thống đê điều do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh như sau:

2.1. Nội dung chi duy tu, bảo dưỡng đê điều

a) Sửa chữa, cải tạo, gia cố mặt đê;

b) Sửa chữa gia cố đường gom, đường hành lang chân đê, dốc lên xuống đê trong phạm vi bảo vệ đê điều;

Sửa chữa và trồng cỏ mái đê, cơ đê, chân đê, mái kè;

c) Đắp đất, trồng cây chắn sóng;

d) Khảo sát, phát hiện và xử lý mối và các ẩn họa trong thân đê; khoan phụt vữa gia cố chất lượng thân đê;

e) Kiểm tra đánh giá chất lượng cống dưới đê; xử lý các hư hỏng nhỏ; nạo vét thượng, hạ lưu của cống dưới đê;

f) Kiểm tra hiện trạng kè bảo vệ đê; chi tu sửa các hư hỏng nhỏ của kè;

g) Bổ sung, sửa chữa các công trình phục vụ việc quản lý, bảo vệ đê điều: Cột mốc trên đê; cột chỉ giới, cột thủy chí; biển báo đê; trạm và thiết bị quan trắc; kho, bãi chứa vật tư dự phòng bão lũ;

h) Sửa chữa các công trình phục vụ việc quản lý, bảo vệ đê điều: Công trình phân lũ, làm chậm lũ; công trình tràn sự cố; giếng giảm áp; điểm canh đê;

i) Khảo sát địa hình, địa chất, khảo sát mặt cắt cố định ngang sông định kỳ, đo đạc sơ họa diễn biến lòng dẫn; đo đạc diễn biến bãi biển trước đê; bổ sung cơ sở dữ liệu về đê điều phục vụ công tác quản lý đê điều và phòng, chống lụt bão;

Các công việc khác có liên quan trực tiếp tới công tác duy tu, bảo dưỡng đê điều theo quy định tại Luật Đê điều, pháp luật có liên quan và được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

2.2 Nội dung chi xử lý cấp bách sự cố đê điều

- a) Xử lý sạt trượt mái đê, mái kè;
- b) Xử lý nứt đê;
- c) Xử lý sập tổ mối trên đê;
- d) Xử lý sụt, lún thân đê;
- e) Xử lý đoạn bờ sông bị sạt trượt có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn đê điều;
- f) Xử lý rò rỉ, thấm, tổ mối và các khuyết tật khác trong thân đê;
- g) Xử lý lỗ sủi, mạch sủi, bãi sủi, mạch đùn, bục đất, giếng phụt;
- h) Xử lý trường hợp nước lũ tràn qua đỉnh đê;
- i) Xử lý các sự cố hư hỏng cống qua đê;
- k) Hàn khâu đê;

l) Xử lý giếng giảm áp làm việc không bình thường: nước tù trong giếng, khu vực cát thấm lọc có hiện tượng nước đục và kéo theo bùn cát thoát ra ngoài.

3. Nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều trên địa bàn tỉnh

- Kinh phí chi thường xuyên để thực hiện duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều đối với các tuyến đê cấp IV và cấp V được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Trong năm, trường hợp phát sinh các sự cố cấp bách về đê điều, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã chủ động sử dụng nguồn dự phòng, nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp huyện và huy động các nguồn lực sẵn có tại chỗ để kịp thời xử lý sự cố; trường hợp các địa phương chi cho công tác khắc phục sự cố đê điều mới phát sinh ở mức độ lớn (vượt quá 70% nguồn dự phòng ngân sách cấp huyện và sử dụng hết nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp huyện), Ủy ban nhân dân cấp huyện kịp thời tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn cụ thể việc lập, phân bổ, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng đê điều, xử lý cấp bách sự cố đê điều với các tuyến đê cấp IV và cấp V.

(Gửi kèm Dự thảo Nghị quyết)

Trên đây là Tờ trình Quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở NN&PTNT;
- Lưu: VT, ĐTQH.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**